

Phụ lục II

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA TTHC NỘI BỘ NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2026
của Chủ tịch UBND thành phố Đồng Nai)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC KIỂM LÂM, LÂM NGHIỆP

1. Tên thủ tục hành chính: Thành lập khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (Mã: 5.000114)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung đề xuất: Rút ngắn thời hạn giải quyết từ 23 ngày làm việc xuống còn 18 ngày làm việc; thay đổi cách thức thực hiện nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến.

1.2. Lý do: Giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân.

1.3. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định về thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại tiêu mục 1 mục B phần II phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 364/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 571.439 đồng (Thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 23 ngày (thời gian quy định) = 13.143.097 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 571.439 đồng (Thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 18 ngày (thời gian đề xuất sau cắt giảm) = 10.285.902 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 13.143.097 đồng – 10.285.902 đồng = 2.857.195 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 21,7%.

1.5. Lộ trình thực hiện: năm 2026.

2. Tên thủ tục hành chính: Thành lập khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (Mã: 5.000116);

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Nội dung đề xuất: Rút ngắn thời hạn giải quyết từ 23 ngày làm việc xuống còn 18 ngày làm việc; thay đổi cách thức thực hiện nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến.

2.2. Lý do: Giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân.

2.3. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi quy định về thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại tiêu mục 2 mục B phần II phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 364/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 571.439 đồng (Thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 23 ngày (thời gian quy định) = 13.143.097 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 571.439 đồng (Thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 18 ngày (thời gian đề xuất sau cắt giảm) = 10.285.902 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 13.143.097 đồng – 10.285.902 đồng = 2.857.195 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 21,7%.

3. Tên thủ tục hành chính: Đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (Mã: 5.000117);

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Nội dung đề xuất: Rút ngắn thời hạn giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc; thay đổi cách thức thực hiện nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến.

3.2. Lý do: Giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân.

3.3 Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi quy định về thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại tiêu mục 3 mục B phần II phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 364/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong

lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 571.439 đồng (Thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 10 ngày (thời gian quy định) = 5.714.390 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 571.439 đồng (Thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 07 ngày (thời gian đề xuất sau cắt giảm) = 4.000.073 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 5.714.390 đồng – 4.000.073 đồng = 1.714.317 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 30%.

3.5. Lộ trình thực hiện: năm 2026.

4. Tên thủ tục hành chính: - Phê duyệt hoặc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (Mã: 5.000118);

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Nội dung đề xuất: Rút ngắn thời hạn giải quyết từ 28 ngày làm việc xuống còn 20 ngày làm việc; thay đổi cách thức thực hiện nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến.

4.2. Lý do: Giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân.

4.3. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi quy định về thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại tiêu mục 4 mục B phần II phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 364/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 571.439 đồng (Thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 28 ngày (thời gian quy định) = 16.000.292 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 571.439 đồng (Thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 20 ngày (thời gian đề xuất sau cắt giảm) = 11.428.780 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 16.000.292 đồng – 11.428.780 đồng = 4.571.512 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 28,6%.

4.5. Lộ trình thực hiện: năm 2026.

5. Tên thủ tục hành chính: - Phê duyệt phương án đấu giá và giá khởi điểm cho thuê rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (Mã: 5.000976);

5.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Nội dung đề xuất: Rút ngắn thời hạn giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc; thay đổi cách thức thực hiện nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến.

5.2. Lý do: Giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân.

5.3. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi quy định về thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại tiêu mục 5 mục B phần II phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 364/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 571.439 đồng (Thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 10 ngày (thời gian quy định) = 5.714.390 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 571.439 đồng (Thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 07 ngày (thời gian đề xuất sau cắt giảm) = 4.000.073 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 5.714.390 đồng – 4.000.073 đồng = 1.714.317 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 30%.

5.5. Lộ trình thực hiện: năm 2026.

6. Tên thủ tục hành chính: - Thu hồi rừng đối với trường hợp đã thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (Mã: 1.012691);

6.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Nội dung đề xuất: Rút ngắn thời hạn giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc; thay đổi cách thức thực hiện nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến.

6.2. Lý do: Giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân.

6.3. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi quy định về thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại tiêu mục 6 mục B phần II phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 364/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 571.439 đồng (Thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 10 ngày (thời gian quy định) = 5.714.390 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 571.439 đồng (Thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 07 ngày (thời gian đề xuất sau cắt giảm) = 4.000.073 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 5.714.390 đồng – 4.000.073 đồng = 1.714.317 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 30%.

6.5. Lộ trình thực hiện: năm 2026.

7. Tên thủ tục hành chính: - Thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (Mã: 5.003110);

7.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Nội dung đề xuất: Rút ngắn thời hạn giải quyết từ 57 ngày làm việc xuống còn 40 ngày làm việc; thay đổi cách thức thực hiện nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến.

7.2. Lý do: Giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân.

7.3. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi quy định về thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại mục 1 phần II phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 375/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

7.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 571.439 đồng (Thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 57 ngày (thời gian quy định) = 32.572.023 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 571.439 đồng (Thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 40 ngày (thời gian đề xuất sau cắt giảm) = 22.857.560 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 32.572.023 đồng – 22.857.560 đồng = 9.714.463 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 29,8%.

7.5. Lộ trình thực hiện: năm 2026.

8. Tên thủ tục hành chính: - Thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp tỉnh;

8.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Nội dung đề xuất: Rút ngắn thời hạn giải quyết từ 57 ngày làm việc xuống còn 40 ngày làm việc; thay đổi cách thức thực hiện nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến.

8.2. Lý do: Giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân.

8.3. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi quy định về thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại mục 2 phần II phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 375/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường điều chỉnh Quyết định số 375/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026.

8.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 571.439 đồng (Thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 57 ngày (thời gian quy định) = 32.572.023 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 571.439 đồng (Thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 40 ngày (thời gian đề xuất sau cắt giảm) = 22.857.560 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 32.572.023 đồng – 22.857.560 đồng = 9.714.463 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 29,8%.

8.5. Lộ trình thực hiện: năm 2026.

9. Tên thủ tục hành chính: - Thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen (Mã: 5.003112);

9.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Nội dung đề xuất: Bổ sung cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

9.2. Lý do: Thủ tục hành chính không quy định cách thức thực hiện.

9.3. Kiến nghị thực thi:

- Bổ sung cách thức thực hiện trong Quyết định công bố TTHC nội bộ ngành Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của thành phố Đồng Nai.

9.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Việc bổ sung cách thức thực hiện tạo thuận lợi trong việc công khai thủ tục hành chính nội bộ và thực hiện nộp hồ sơ, thủ tục hành chính nội bộ.

9.5. Lộ trình thực hiện: năm 2026.

10. Tên thủ tục hành chính: Chuyển vị bảo tồn động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

10.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Nội dung đề xuất: Rút ngắn thời hạn giải quyết đối với trường hợp cần tham vấn từ 21 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc; thay đổi cách thức thực hiện nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến.

10.2. Lý do: Giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân.

10.3. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi quy định về thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại mục 2 phần II phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 04/QĐ-BNNMT ngày 05/01/2026

về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

10.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa đối với trường hợp cần tham vấn:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 571.439 đồng (Thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 21 ngày (thời gian quy định) = 12.000.219 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 571.439 đồng (Thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 15 ngày (thời gian đề xuất sau cắt giảm) = 8.571.585 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 12.000.219 đồng – 8.571.585 đồng = 3.428.634 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 28,6%.

10.5. Lộ trình thực hiện: năm 2026.

11. Tên thủ tục hành chính: Thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học;

11.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Nội dung đề xuất: Rút ngắn thời hạn giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc; thay đổi cách thức thực hiện nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến.

11.2. Lý do: Giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân.

11.3. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi quy định về thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại mục 3 phần II phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 04/QĐ-BNNMT ngày 05/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

11.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 571.439 đồng (Thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 10 ngày (thời gian quy định) = 5.714.390 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 571.439 đồng (Thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 07 ngày (thời gian đề xuất sau cắt giảm) = 4.000.073 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 5.714.390 đồng – 4.000.073 đồng = 1.714.317 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 30%.

11.5. Lộ trình thực hiện: năm 2026.

II. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

1. Phê duyệt, điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh (Mã TTHC 5.001628)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bước được đơn giản hóa: Công bố, đăng tải quyết định phê duyệt, điều chỉnh phân vùng chức năng nguồn nước trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Bước 5).

- Thời hạn trước đơn giản hóa: 14 ngày.

- Đề xuất: Giảm 03 ngày; còn 11 ngày.

- Thời gian tiết kiệm: 03 ngày; tỷ lệ cắt giảm: 21,43%.

1.2. Lý do

Bước công khai được thực hiện sau khi quyết định hoặc danh mục đã được phê duyệt; nội dung cần đăng tải đã cơ bản ổn định. Việc chuẩn hóa biểu mẫu điện tử, phân công đầu mối và thực hiện đồng thời việc đăng tải, gửi thông báo, cập nhật cơ sở dữ liệu cho phép rút ngắn thời gian mà không làm thay đổi nội dung, phạm vi và đối tượng được cung cấp thông tin.

1.3. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi thời hạn quy định tại Điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT.

- Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố, cập nhật lại thủ tục hành chính nội bộ tương ứng.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng/người/ngày/năm 2025 x 14 ngày = 8.000.146 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng/người/ngày/năm 2025 x 11 ngày = 6.285.829 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 8.000.146 đồng - 6.285.829 đồng = 1.714.317 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: $(1.714.317 \text{ đồng} / 8.000.146 \text{ đồng}) \times 100\% = 21,43\%$.

1.5. Lộ trình thực hiện

Năm 2026 - 2027; thực hiện sau khi văn bản quy phạm pháp luật quy định thời hạn tương ứng được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính nội bộ được công bố, cập nhật.

2. Lập danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước (Mã TTHC 5.001634)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bước được đơn giản hóa: Công bố Danh mục trên phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên cổng thông tin điện tử; UBND cấp xã đăng tải và niêm yết công khai tại trụ sở (Bước 6).

- Thời hạn trước đơn giản hóa: Không quá 15 ngày.

- Đề xuất: Giảm 03 ngày; còn không quá 12 ngày.

- Thời gian tiết kiệm: 03 ngày; tỷ lệ cắt giảm: 20%.

2.2. Lý do

Bước công khai được thực hiện sau khi quyết định hoặc danh mục đã được phê duyệt; nội dung cần đăng tải đã cơ bản ổn định. Việc chuẩn hóa biểu mẫu điện tử, phân công đầu mối và thực hiện đồng thời việc đăng tải, gửi thông báo, cập nhật cơ sở dữ liệu cho phép rút ngắn thời gian mà không làm thay đổi nội dung, phạm vi và đối tượng được cung cấp thông tin.

2.3. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi thời hạn quy định tại điểm c khoản 3 Điều 26 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 16 Điều 1 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

- Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố, cập nhật lại thủ tục hành chính nội bộ tương ứng.

2.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng/người/ngày/năm 2025 x 15 ngày = 8.571.585 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng/người/ngày/năm 2025 x 12 ngày = 6.857.268 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 8.571.585 đồng - 6.857.268 đồng = 1.714.317 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: $(1.714.317 \text{ đồng} / 8.571.585 \text{ đồng}) \times 100\% = 20,00\%$

2.5. Lộ trình thực hiện

Năm 2026 - 2027; thực hiện sau khi văn bản quy phạm pháp luật quy định thời hạn tương ứng được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính nội bộ được công bố, cập nhật.

3. Điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước (Mã TTHC 5.001635)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bước được đơn giản hóa: Công bố nội dung điều chỉnh trên phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên cổng thông tin điện tử; UBND cấp xã đăng tải và niêm yết công khai (Bước 5).

- Thời hạn trước đơn giản hóa: Không quá 15 ngày.

- Đề xuất: Giảm 03 ngày; còn không quá 12 ngày.

- Thời gian tiết kiệm: 03 ngày; tỷ lệ cắt giảm: 20%.

3.2. Lý do

Bước công khai được thực hiện sau khi quyết định hoặc danh mục đã được phê duyệt; nội dung cần đăng tải đã cơ bản ổn định. Việc chuẩn hóa biểu mẫu điện tử, phân công đầu mối và thực hiện đồng thời việc đăng tải, gửi thông báo, cập nhật cơ sở dữ liệu cho phép rút ngắn thời gian mà không làm thay đổi nội dung, phạm vi và đối tượng được cung cấp thông tin.

3.3. Kiến nghị thực thi

- Khoản 3 Điều 26 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

- Sửa đổi thời hạn công bố tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

- Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố, cập nhật lại thủ tục hành chính nội bộ tương ứng.

3.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $571.439 \text{ đồng/người/ngày/năm } 2025 \times 15 \text{ ngày} = 8.571.585 \text{ đồng/01 hồ sơ}$.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $571.439 \text{ đồng/người/ngày/năm } 2025 \times 12 \text{ ngày} = 6.857.268 \text{ đồng/01 hồ sơ}$.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 8.571.585 đồng - 6.857.268 đồng = 1.714.317 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: $(1.714.317 \text{ đồng} / 8.571.585 \text{ đồng}) \times 100\% = 20,00\%$.

3.5. Lộ trình thực hiện

Năm 2026 - 2027; thực hiện sau khi văn bản quy phạm pháp luật quy định thời hạn tương ứng được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính nội bộ được công bố, cập nhật.

4. Phê duyệt dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh (Mã TTHC 5.001636)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bước được đơn giản hóa: Công bố, đăng tải quyết định phê duyệt kèm danh mục dòng chảy tối thiểu trên Cổng thông tin điện tử của UBND cấp tỉnh (Bước 6).

- Thời hạn trước đơn giản hóa: 14 ngày.

- Đề xuất: Giảm 03 ngày; còn 11 ngày.

- Thời gian tiết kiệm: 03 ngày; tỷ lệ cắt giảm: 21,43%.

4.2. Lý do

Bước công khai được thực hiện sau khi quyết định hoặc danh mục đã được phê duyệt; nội dung cần đăng tải đã cơ bản ổn định. Việc chuẩn hóa biểu mẫu điện tử, phân công đầu mối và thực hiện đồng thời việc đăng tải, gửi thông báo, cập nhật cơ sở dữ liệu cho phép rút ngắn thời gian mà không làm thay đổi nội dung, phạm vi và đối tượng được cung cấp thông tin.

4.3. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi thời hạn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT.

- Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố, cập nhật lại thủ tục hành chính nội bộ tương ứng.

4.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng/người/ngày/năm 2025 x 14 ngày = 8.000.146 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng/người/ngày/năm 2025 x 11 ngày = 6.285.829 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 8.000.146 đồng - 6.285.829 đồng = 1.714.317 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: $(1.714.317 \text{ đồng} / 8.000.146 \text{ đồng}) \times 100\% = 21,43\%$.

4.5. Lộ trình thực hiện

Năm 2026 - 2027; thực hiện sau khi văn bản quy phạm pháp luật quy định thời hạn tương ứng được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính nội bộ được công bố, cập nhật.

5. Điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh (Mã TTHC 5.001637)

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bước được đơn giản hóa: Công bố, đăng tải quyết định điều chỉnh kèm danh mục dòng chảy tối thiểu trên Cổng thông tin điện tử của UBND cấp tỉnh (Bước 6).

- Thời hạn trước đơn giản hóa: 14 ngày.

- Đề xuất: Giảm 03 ngày; còn 11 ngày.

- Thời gian tiết kiệm: 03 ngày; tỷ lệ cắt giảm: 21,43%.

5.2. Lý do

Bước công khai được thực hiện sau khi quyết định hoặc danh mục đã được phê duyệt; nội dung cần đăng tải đã cơ bản ổn định. Việc chuẩn hóa biểu mẫu điện tử, phân công đầu mối và thực hiện đồng thời việc đăng tải, gửi thông báo, cập nhật cơ sở dữ liệu cho phép rút ngắn thời gian mà không làm thay đổi nội dung, phạm vi và đối tượng được cung cấp thông tin.

5.3. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi thời hạn công bố được áp dụng theo khoản 3 Điều 20 và điểm a khoản 2 Điều 19 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT

- Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố, cập nhật lại thủ tục hành chính nội bộ tương ứng.

5.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng/người/ngày/năm 2025 x 14 ngày = 8.000.146 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng/người/ngày/năm 2025 x 11 ngày = 6.285.829 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 8.000.146 đồng - 6.285.829 đồng = 1.714.317 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: $(1.714.317 \text{ đồng} / 8.000.146 \text{ đồng}) \times 100\% = 21,43\%$.

5.5. Lộ trình thực hiện

Năm 2026 - 2027; thực hiện sau khi văn bản quy phạm pháp luật quy định thời hạn tương ứng được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính nội bộ được công bố, cập nhật.

6. Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (Mã TTHC 5.001638)

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bước được đơn giản hóa: Công bố quyết định trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của địa phương và gửi cơ quan, địa phương có liên quan (Bước 3).

- Thời hạn trước đơn giản hóa: 10 ngày làm việc.

- Đề xuất: Giảm 02 ngày làm việc; còn 08 ngày làm việc.

- Thời gian tiết kiệm: 02 ngày làm việc; tỷ lệ cắt giảm: 20%.

6.2. Lý do

Bước công khai được thực hiện sau khi quyết định hoặc danh mục đã được phê duyệt; nội dung cần đăng tải đã cơ bản ổn định. Việc chuẩn hóa biểu mẫu điện tử, phân công đầu mối và thực hiện đồng thời việc đăng tải, gửi thông báo, cập nhật cơ sở dữ liệu cho phép rút ngắn thời gian mà không làm thay đổi nội dung, phạm vi và đối tượng được cung cấp thông tin.

6.3. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi thời hạn quy định tại khoản 5 Điều 12 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT.

- Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố, cập nhật lại thủ tục hành chính nội bộ tương ứng.

6.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng/người/ngày/năm 2025 x 10 ngày = 5.714.390 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng/người/ngày/năm 2025 x 08 ngày = 4.571.512 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 5.714.390 đồng - 4.571.512 đồng = 1.142.878 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: $(1.142.878 \text{ đồng} / 5.714.390 \text{ đồng}) \times 100\% = 20,00\%$.

6.5. Lộ trình thực hiện

Năm 2026 - 2027; thực hiện sau khi văn bản quy phạm pháp luật quy định thời hạn tương ứng được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính nội bộ được công bố, cập nhật.

7. Phê duyệt kế hoạch bảo vệ nước dưới đất (Mã TTHC 5.001639)

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bước được đơn giản hóa: Cập nhật Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia (Bước 6).

- Thời hạn trước đơn giản hóa: 07 ngày.

- Đề xuất: Giảm 02 ngày; còn 05 ngày.

- Thời gian tiết kiệm: 02 ngày; tỷ lệ cắt giảm: 28,57%.

7.2. Lý do

Bước công khai được thực hiện sau khi quyết định hoặc danh mục đã được phê duyệt; nội dung cần đăng tải đã cơ bản ổn định. Việc chuẩn hóa biểu mẫu điện tử, phân công đầu mối và thực hiện đồng thời việc đăng tải, gửi thông báo, cập nhật cơ sở dữ liệu cho phép rút ngắn thời gian mà không làm thay đổi nội dung, phạm vi và đối tượng được cung cấp thông tin.

7.3. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi thời hạn tại quy định tại khoản 5 Điều 24 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT.

- Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố, cập nhật lại thủ tục hành chính nội bộ tương ứng.

7.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng/người/ngày/năm 2025 x 07 ngày = 4.000.073 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng/người/ngày/năm 2025 x 05 ngày = 2.857.195 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 4.000.073 đồng - 2.857.195 đồng = 1.142.878 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: $(1.142.878 \text{ đồng} / 4.000.073 \text{ đồng}) \times 100\% = 28,57\%$.

7.5. Lộ trình thực hiện

Năm 2026 - 2027; thực hiện sau khi văn bản quy phạm pháp luật quy định thời hạn tương ứng được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính nội bộ được công bố, cập nhật.

8. Điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất (Mã TTHC 5.001640)

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bước được đơn giản hóa: Cập nhật Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất đã điều chỉnh vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia (Bước 6).
- Thời hạn trước đơn giản hóa: 07 ngày.
- Đề xuất: Giảm 02 ngày; còn 05 ngày.
- Thời gian tiết kiệm: 02 ngày; tỷ lệ cắt giảm: 28,57%.

8.2. Lý do

Bước công khai được thực hiện sau khi quyết định hoặc danh mục đã được phê duyệt; nội dung cần đăng tải đã cơ bản ổn định. Việc chuẩn hóa biểu mẫu điện tử, phân công đầu mối và thực hiện đồng thời việc đăng tải, gửi thông báo, cập nhật cơ sở dữ liệu cho phép rút ngắn thời gian mà không làm thay đổi nội dung, phạm vi và đối tượng được cung cấp thông tin.

8.3. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi thời hạn tại khoản 5 Điều 24, khoản 3 Điều 25 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT.
- Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố, cập nhật lại thủ tục hành chính nội bộ tương ứng.

8.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng/người/ngày/năm 2025 x 07 ngày = 4.000.073 đồng/01 hồ sơ.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng/người/ngày/năm 2025 x 05 ngày = 2.857.195 đồng/01 hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm:
 - + Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 4.000.073 đồng - 2.857.195 đồng = 1.142.878 đồng.
 - Tỷ lệ cắt giảm chi phí: $(1.142.878 \text{ đồng} / 4.000.073 \text{ đồng}) \times 100\% = 28,57\%$.

8.5. Lộ trình thực hiện

Năm 2026 - 2027; thực hiện sau khi văn bản quy phạm pháp luật quy định thời hạn tương ứng được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính nội bộ được công bố, cập nhật.

9. Phê duyệt, điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất (Mã TTHC 5.001641)

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bước được đơn giản hóa: Công bố Danh mục và phương án, lộ trình thực hiện trên phương tiện thông tin đại chúng; gửi đăng tải lên Cổng thông tin điện tử; thông báo cho UBND cấp xã, tổ chức, cá nhân liên quan và gửi Bộ (Bước 9).

- Thời hạn trước đơn giản hóa: 20 ngày.

- Đề xuất: Giảm 04 ngày; còn 16 ngày.

- Thời gian tiết kiệm: 04 ngày; tỷ lệ cắt giảm: 20%.

9.2. Lý do

Bước công khai được thực hiện sau khi quyết định hoặc danh mục đã được phê duyệt; nội dung cần đăng tải đã cơ bản ổn định. Việc chuẩn hóa biểu mẫu điện tử, phân công đầu mối và thực hiện đồng thời việc đăng tải, gửi thông báo, cập nhật cơ sở dữ liệu cho phép rút ngắn thời gian mà không làm thay đổi nội dung, phạm vi và đối tượng được cung cấp thông tin.

9.3. Kiến nghị thực thi

- Điều 38 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

- Sửa đổi quy định về thời hạn công bố tại Điều 38 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

- Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố, cập nhật lại thủ tục hành chính nội bộ tương ứng.

9.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng/người/ngày/năm 2025 x 20 ngày = 11.428.780 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng/người/ngày/năm 2025 x 16 ngày = 9.143.024 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 11.428.780 đồng - 9.143.024 đồng = 2.285.756 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: $(2.285.756 \text{ đồng} / 11.428.780 \text{ đồng}) \times 100\% = 20,00\%$.

9.5. Lộ trình thực hiện

Năm 2026 - 2027; thực hiện sau khi văn bản quy phạm pháp luật quy định thời hạn tương ứng được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính nội bộ được công bố, cập nhật.

10. Lập danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp (Mã TTHC 5.001646)

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bước được đơn giản hóa: Công bố Danh mục; gửi đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của UBND cấp tỉnh và cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia (Bước 6).

- Thời hạn trước đơn giản hóa: 15 ngày.

- Đề xuất: Giảm 03 ngày; còn 12 ngày.

- Thời gian tiết kiệm: 03 ngày; tỷ lệ cắt giảm: 20%.

10.2. Lý do

Bước công khai được thực hiện sau khi quyết định hoặc danh mục đã được phê duyệt; nội dung cần đăng tải đã cơ bản ổn định. Việc chuẩn hóa biểu mẫu điện tử, phân công đầu mối và thực hiện đồng thời việc đăng tải, gửi thông báo, cập nhật cơ sở dữ liệu cho phép rút ngắn thời gian mà không làm thay đổi nội dung, phạm vi và đối tượng được cung cấp thông tin.

10.3. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi thời hạn quy định tại Điều 57 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

- Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố, cập nhật lại thủ tục hành chính nội bộ tương ứng.

10.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $571.439 \text{ đồng/người/ngày/năm } 2025 \times 15 \text{ ngày} = 8.571.585 \text{ đồng/01 hồ sơ}$.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $571.439 \text{ đồng/người/ngày/năm } 2025 \times 12 \text{ ngày} = 6.857.268 \text{ đồng/01 hồ sơ}$.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: $8.571.585 \text{ đồng} - 6.857.268 \text{ đồng} = 1.714.317 \text{ đồng}$.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: $(1.714.317 \text{ đồng} / 8.571.585 \text{ đồng}) \times 100\% = 20,00\%$.

10.5. Lộ trình thực hiện

Năm 2026 - 2027; thực hiện sau khi văn bản quy phạm pháp luật quy định thời hạn tương ứng được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính nội bộ được công bố, cập nhật.

11. Điều chỉnh đưa ra khỏi danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp (Mã TTHC 5.001647)

11.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bước được đơn giản hóa: Công bố Danh mục đã điều chỉnh; gửi đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của UBND cấp tỉnh và cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

- Thời hạn trước đơn giản hóa: 15 ngày.

- Đề xuất: Giảm 03 ngày; còn 12 ngày.

- Thời gian tiết kiệm: 03 ngày; tỷ lệ cắt giảm: 20%.

11.2. Lý do

Bước công khai được thực hiện sau khi quyết định hoặc danh mục đã được phê duyệt; nội dung cần đăng tải đã cơ bản ổn định. Việc chuẩn hóa biểu mẫu điện tử, phân công đầu mối và thực hiện đồng thời việc đăng tải, gửi thông báo, cập nhật cơ sở dữ liệu cho phép rút ngắn thời gian mà không làm thay đổi nội dung, phạm vi và đối tượng được cung cấp thông tin.

11.3. Kiến nghị thực thi

- Khoản 3 Điều 58 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

- Sửa đổi thời hạn công bố, đăng tải, cập nhật tại khoản 3 Điều 58 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung); cập nhật thủ tục 5.001647 tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT.

- Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố, cập nhật lại thủ tục hành chính nội bộ tương ứng; địa phương chuẩn hóa quy trình điện tử và phân công rõ đầu mối đăng tải, cập nhật dữ liệu.

11.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $571.439 \text{ đồng/người/ngày/năm } 2025 \times 15 \text{ ngày} = 8.571.585 \text{ đồng/01 hồ sơ}$.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $571.439 \text{ đồng/người/ngày/năm } 2025 \times 12 \text{ ngày} = 6.857.268 \text{ đồng/01 hồ sơ}$.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: $8.571.585 \text{ đồng} - 6.857.268 \text{ đồng} = 1.714.317 \text{ đồng}$.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: $(1.714.317 \text{ đồng} / 8.571.585 \text{ đồng}) \times 100\% = 20,00\%$.

11.5. Lộ trình thực hiện

Năm 2026 - 2027; thực hiện sau khi văn bản quy phạm pháp luật quy định thời hạn tương ứng được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính nội bộ được công bố, cập nhật.

12. Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Mã TTHC 5.001619)

12.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bước được đơn giản hóa: Công bố quyết định trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của địa phương và gửi cơ quan, địa phương có liên quan (Bước 4).

- Thời hạn trước đơn giản hóa: 10 ngày làm việc.

- Đề xuất: Giảm 02 ngày làm việc; còn 08 ngày làm việc.

- Thời gian tiết kiệm: 02 ngày làm việc; tỷ lệ cắt giảm: 20%.

12.2. Lý do

Bước công khai được thực hiện sau khi quyết định hoặc danh mục đã được phê duyệt; nội dung cần đăng tải đã cơ bản ổn định. Việc chuẩn hóa biểu mẫu điện tử, phân công đầu mối và thực hiện đồng thời việc đăng tải, gửi thông báo, cập nhật cơ sở dữ liệu cho phép rút ngắn thời gian mà không làm thay đổi nội dung, phạm vi và đối tượng được cung cấp thông tin.

12.3. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi thời hạn tại khoản 5 Điều 12 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT.

- Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố, cập nhật lại thủ tục hành chính nội bộ tương ứng.

12.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $571.439 \text{ đồng/người/ngày/năm } 2025 \times 10 \text{ ngày} = 5.714.390 \text{ đồng}/01 \text{ hồ sơ}$.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $571.439 \text{ đồng/người/ngày/năm } 2025 \times 08 \text{ ngày} = 4.571.512 \text{ đồng}/01 \text{ hồ sơ}$.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: $5.714.390 \text{ đồng} - 4.571.512 \text{ đồng} = 1.142.878 \text{ đồng}$.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: $(1.142.878 \text{ đồng} / 5.714.390 \text{ đồng}) \times 100\% = 20,00\%$.

12.5. Lộ trình thực hiện

Năm 2026 - 2027; thực hiện sau khi văn bản quy phạm pháp luật quy định thời hạn tương ứng được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính nội bộ được công bố, cập nhật.

13. Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Mã TTHC 5.001642)

13.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bước được đơn giản hóa: Bước rà soát, xây dựng dự thảo Danh mục và bước gửi lấy ý kiến đối với dự thảo Danh mục.

- Đề xuất lồng ghép Bước 1 và Bước 2 thành một bước: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì rà soát, xây dựng dự thảo Danh mục.

- Trình tự sau đơn giản hóa: từ 04 bước còn 03 bước; giảm 01 bước xử lý; tỷ lệ đơn giản hóa khoảng 25%.

13.2. Lý do

Việc rà soát, lập dự thảo Danh mục và gửi lấy ý kiến là các công việc liên thông, có thể thực hiện trong cùng một giai đoạn xử lý.

13.3. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 55 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

- Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố, cập nhật lại thủ tục hành chính nội bộ tương ứng.

13.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm 01/04 bước xử lý, tỷ lệ đơn giản hóa khoảng 25%.

13.5. Lộ trình thực hiện

Năm 2026 - 2027; thực hiện sau khi văn bản quy phạm pháp luật quy định thời hạn tương ứng được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính nội bộ được công bố, cập nhật.

14. Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên (Mã TTHC 5.001643)

14.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bước được đơn giản hóa: Bước chỉ đạo điều hành nội bộ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du và bước Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, xác định dự thảo Danh mục.

- Đề xuất không tách riêng “bước chỉ đạo” của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du thành một bước thủ tục độc lập; việc chỉ đạo được thực hiện thông qua kế hoạch, văn bản giao nhiệm vụ hoặc quy chế làm việc hiện hành.

- Lồng ghép Bước 1 và Bước 2 thành bước: Sở Nông nghiệp và Môi trường ở hạ du chủ trì rà soát, xác định dự thảo Danh mục theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trình tự sau đơn giản hóa: từ 05 bước còn 04 bước; giảm 01 bước xử lý; tỷ lệ đơn giản hóa khoảng 20%.

14.2. Lý do

Bước chỉ đạo là quan hệ điều hành nội bộ giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường, không nhất thiết phải tách thành một bước thủ tục hành chính riêng.

14.3. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại khoản 3 Điều 55 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

- Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố, cập nhật lại thủ tục hành chính nội bộ tương ứng.

14.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm 01/05 bước xử lý, tỷ lệ đơn giản hóa khoảng 20%.
- Giảm thời gian xin ý kiến tuân thủ, tăng tính chủ động của cơ quan chuyên môn ở hạ du, bảo đảm vẫn giữ nguyên thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du.

14.5. Lộ trình thực hiện

Năm 2026 - 2027; thực hiện sau khi văn bản quy phạm pháp luật quy định thời hạn tương ứng được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính nội bộ được công bố, cập nhật.

15. Phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Mã TTHC 5.001644)

15.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bước được đơn giản hóa: Bước xây dựng dự thảo quy chế phối hợp vận hành và bước gửi lấy ý kiến đối với dự thảo quy chế.

- Đề xuất lồng ghép Bước 1 và Bước 2 thành một bước: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng dự thảo quy chế phối hợp vận hành, đồng thời gửi lấy ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan, tổ chức lưu vực sông nếu có, tổ chức, cá nhân quản lý vận hành đập, hồ chứa và các đơn vị liên quan.

- Trình tự sau đơn giản hóa: từ 04 bước còn 03 bước; giảm 01 bước xử lý; tỷ lệ đơn giản hóa khoảng 25%.

15.2. Lý do

Dự thảo quy chế phối hợp vận hành cần sự tham gia của các chủ hồ và cơ quan liên quan ngay từ giai đoạn xây dựng. Việc lấy ý kiến đồng thời trong quá trình hoàn thiện dự thảo giúp hạn chế việc chỉnh sửa nhiều lần, rút ngắn thời gian xử lý nhưng không làm thay đổi yêu cầu chuyên môn.

15.3. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 55 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

- Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố, cập nhật lại thủ tục hành chính nội bộ tương ứng.

15.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm 01/04 bước xử lý, tỷ lệ đơn giản hóa khoảng 25%.

- Giảm số lần trao đổi, chỉnh sửa dự thảo; nâng cao trách nhiệm phối hợp của tổ chức quản lý vận hành đập, hồ chứa.

15.5. Lộ trình thực hiện

Năm 2026 - 2027; thực hiện sau khi văn bản quy phạm pháp luật quy định thời hạn tương ứng được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính nội bộ được công bố, cập nhật.

16. Phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên (Mã TTHC 5.001645)

16.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bước được đơn giản hóa: Bước chỉ đạo điều hành nội bộ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du và bước xây dựng dự thảo quy chế phối hợp vận hành.

- Đề xuất không tách riêng bước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường thành một bước thủ tục độc lập; nội dung này được thực hiện theo kế hoạch, văn bản giao nhiệm vụ hoặc quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Lồng ghép Bước 1 và Bước 2 thành bước: Sở Nông nghiệp và Môi trường ở hạ du chủ trì xây dựng dự thảo quy chế phối hợp vận hành theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trình tự sau đơn giản hóa: từ 05 bước còn 04 bước; giảm 01 bước xử lý; tỷ lệ đơn giản hóa khoảng 20%.

16.2. Lý do

Bước chỉ đạo là quan hệ điều hành nội bộ giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường, không nhất thiết phải tách thành một bước thủ tục hành chính riêng.

16.3. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 55 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

- Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố, cập nhật lại thủ tục hành chính nội bộ tương ứng.

16.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm 01/05 bước xử lý, tỷ lệ đơn giản hóa khoảng 20%.

16.5. Lộ trình thực hiện

Năm 2026 - 2027; thực hiện sau khi văn bản quy phạm pháp luật quy định thời hạn tương ứng được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính nội bộ được công bố, cập nhật.

III. LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN

1. Thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản

1.1 Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 60 ngày làm việc thành 59 ngày làm việc: do cắt giảm thời hạn kiểm tra hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản từ 48 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian xem xét trả lời của cơ quan được lấy ý kiến) thành 47 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian xem xét trả lời của cơ quan được lấy ý kiến).

1.2 Lý do: Cắt giảm thời gian chờ đợi khi thực hiện thủ tục.

1.3 Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi quy định về thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại mục 8 phần II phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1245/QĐ-BNNMT ngày 10/4/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.4 Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 60 ngày = 34.286.340 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 34.286.340 đồng x 10 (ước tính hồ sơ phát sinh năm 2026) = 342.863.400 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 59 ngày = 33.714.901 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 33.714.901 đồng x 10 (ước tính hồ sơ phát sinh năm 2026) = 337.149.010 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 34.286.340 đồng - 33.714.901 đồng = 571.439 đồng.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2026: 571.439 đồng x 10 hồ sơ = 5.714.390 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,67%

1.5. Lộ trình thực hiện: năm 2026.

2. Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản

Trường hợp 1: Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II, nhóm III hoặc nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố.

2.1 Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 60 ngày làm việc thành 59 ngày làm việc: do cắt giảm thời hạn kiểm tra hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản từ 48 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian xem xét trả lời của cơ quan được lấy ý kiến) thành 47 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian xem xét trả lời của cơ quan được lấy ý kiến).

2.2 Lý do: Cắt giảm thời gian chờ đợi khi thực hiện thủ tục.

2.3 Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi quy định về thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại mục 9 phần II phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1245/QĐ-BNNMT ngày 10/4/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.4 Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 60 ngày = 34.286.340 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 34.286.340 đồng x 10 (ước tính hồ sơ phát sinh năm 2026) = 342.863.400 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 59 ngày = 33.714.901 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 33.714.901 đồng x 10 (ước tính hồ sơ phát sinh năm 2026) = 337.149.010 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 34.286.340 đồng - 33.714.901 đồng = 571.439 đồng.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2026: 571.439 đồng x 10 hồ sơ = 5.714.390 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,67%

2.5. Lộ trình thực hiện: năm 2026

3. Thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 45 ngày làm việc thành 44 ngày làm việc: do cắt giảm thời gian Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra hồ sơ và xác minh, làm rõ các nội dung liên quan từ 28 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ thành 27 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

3.2. Lý do: Cắt giảm thời gian chờ đợi khi thực hiện thủ tục.

3.3. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi quy định về thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại mục 10 phần II phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1245/QĐ-BNNMT ngày 10/4/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 45 ngày = 25.714.755 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 25.714.755 đồng x 10 (ước tính hồ sơ phát sinh năm 2026) = 257.147.550 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 44 ngày = 25.143.316 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 25.143.316 đồng x 10 (ước tính hồ sơ phát sinh năm 2026) = 251.433.160 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 25.714.755 đồng - 25.143.316 đồng = 571.439 đồng.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2026: 571.439 đồng x 10 hồ sơ = 5.714.390 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,22%

3.5. Lộ trình thực hiện: năm 2026

4. Khoanh định, công bố khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục từ 32 ngày làm việc thành 30 ngày làm việc, cụ thể:

- Giảm thời gian thực hiện: giảm thời gian từ 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (không bao gồm thời gian công bố kết quả khoanh định), còn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (không bao gồm thời gian công bố kết quả khoanh định).

4.2. Lý do: Cắt giảm thời gian chờ đợi khi thực hiện thủ tục.

4.3. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi quy định về thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại mục 4 phần II phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1245/QĐ-BNNMT ngày 10/4/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 32 ngày = 18.286.048 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 30 ngày = 17.143.170 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 18.286.048 đồng - 17.143.170 đồng = 1.142.878 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,25%

4.5. Lộ trình thực hiện: năm 2026

5. Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

5.1. Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục từ 29 ngày làm việc thành 28 ngày làm việc, cụ thể:

- Giảm thời gian hoàn thiện và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh: 24 ngày làm việc, nhận được hồ sơ lấy ý kiến về kết quả khoanh định, khoanh định điều chỉnh thành 23 ngày làm việc, nhận được hồ sơ lấy ý kiến về kết quả khoanh định, khoanh định điều chỉnh.

5.2. Lý do: Cắt giảm thời gian chờ đợi khi thực hiện thủ tục.

5.3. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi quy định về thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại mục 6 phần II phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1245/QĐ-BNNMT ngày 10/4/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 29 ngày = 16.571.731 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 28 ngày = 16.000.292 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 16.571.731 đồng - 16.000.292 đồng = 571.439 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,45%.

5.5. Lộ trình thực hiện: năm 2026

6. Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

6.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Bổ sung cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

6.2. Lý do: Quyết định số 1245/QĐ-BNNMT ngày 10/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường không quy định cách thức thực hiện.

6.3. Kiến nghị thực thi:

- Bổ sung cách thức thực hiện trong Quyết định công bố TTHC nội bộ ngành Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của tỉnh Đồng Nai.

6.4. Lợi ích phương án đơn giản hoá:

- Bổ sung cách thức thực hiện là cần thiết trong rà soát, xây dựng nội dung góp phần bổ sung, hoàn thiện đầy đủ các yếu tố cấu thành TTHC nội bộ.

- Việc bổ sung cách thức thực hiện trong công bố, công khai thủ tục hành chính nội bộ, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tìm hiểu và lựa chọn hình thức phù hợp, nhanh chóng để nộp hồ sơ, thủ tục hành chính nội bộ.

- Quy định đa dạng, rõ ràng các hình thức lựa chọn trong cách thức thực hiện hồ sơ, thủ tục hành chính nội bộ.

- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ trực tuyến thông qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản góp phần giải quyết TTHC nội bộ trên môi trường điện tử, phục vụ công tác chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử theo chỉ đạo của Chính phủ.

6.5. Lộ trình thực hiện: năm 2026

7. Lập, phê duyệt, công khai kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản

7.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Bổ sung cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

7.2. Lý do: Quyết định số 1245/QĐ-BNNMT ngày 10/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung;

thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường không quy định cách thức thực hiện.

7.3. Kiến nghị thực thi:

- Bổ sung cách thức thực hiện trong Quyết định công bố TTHC nội bộ ngành Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của thành phố Đồng Nai.

7.4. Lợi ích phương án đơn giản hoá:

- Bổ sung cách thức thực hiện là cần thiết trong rà soát, xây dựng nội dung góp phần bổ sung, hoàn thiện đầy đủ các yếu tố cấu thành TTHC nội bộ.

- Việc bổ sung cách thức thực hiện trong công bố, công khai thủ tục hành chính nội bộ, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tìm hiểu và lựa chọn hình thức phù hợp, nhanh chóng để nộp hồ sơ, thủ tục hành chính nội bộ.

- Quy định đa dạng, rõ ràng các hình thức lựa chọn trong cách thức thực hiện hồ sơ, thủ tục hành chính nội bộ.

- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ trực tuyến thông qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản góp phần giải quyết TTHC nội bộ trên môi trường điện tử, phục vụ công tác chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử theo chỉ đạo của Chính phủ.

7.5. Lộ trình thực hiện: năm 2026

8. Xác định, phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

8.1. Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục từ 24 ngày làm việc thành 23 ngày làm việc, cụ thể:

- Giảm thời hạn xác định, phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 24 ngày làm việc, kể từ ngày giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản có hiệu lực thành 23 ngày làm việc, kể từ ngày giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản có hiệu lực.

8.2. Lý do: Cắt giảm thời gian chờ đợi khi thực hiện thủ tục.

8.3. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi quy định về thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại mục 12 phần II phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1245/QĐ-BNNMT ngày 10/4/2026

về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

8.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 24 ngày = 13.714.536 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 13.714.536 đồng x 50 (ước tính hồ sơ phát sinh năm 2026) = 685.726.800 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 23 ngày = 13.143.097 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 13.143.097 đồng x 50 (ước tính hồ sơ phát sinh năm 2026) = 657.154.850 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 13.714.536 đồng - 13.143.097 đồng = 571.439 đồng.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2026: 571.439 đồng x 50 hồ sơ = 28.571.950 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,17%

8.5. Lộ trình thực hiện: năm 2026

9. Khai thác thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản

9.1. Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết thủ tục từ 05 ngày làm việc thành 04 ngày làm việc, cụ thể:

- Giảm thời hạn giải quyết hồ sơ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ thành 04 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

9.2. Lý do: Cắt giảm thời gian chờ đợi khi thực hiện thủ tục.

9.3. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi quy định về thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại mục 5 phần II phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1245/QĐ-BNNMT ngày 10/4/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

9.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 5 ngày = 2.857.195 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 2.857.195 đồng x 10 (ước tính hồ sơ phát sinh năm 2026) = 28.571.950 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 571.439 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2025) x 4 ngày = 2.285.756 đồng/01 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2026: 2.285.756 đồng x 10 (ước tính hồ sơ phát sinh năm 2026) = 22.857.560 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 2.857.195 đồng - 2.285.756 đồng = 571.439 đồng.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2026: 571.439 đồng x 10 hồ sơ = 5.714.390 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

9.5. Lộ trình thực hiện: năm 2026